CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Ngày 30/09/2025	8,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	**-2.3%**	**-**

DT thuần
Q3/25
663
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 115| 20.9%
YoY: ▲ 278| 72.1%

LN thuần
Q3/25
-1.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.99| -148%
YoY: ▲ 4.94| 75.3%

LN sau thuế
Q3/25
1.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.01| -39.0%
YoY: ▲ 8.15| 124%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.3%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE (TTM)
Q3/25
7.8%
YoY: +/-▲ 3.9%

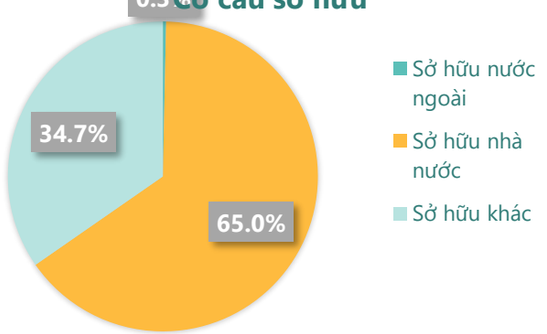
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,000 - 11,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	103
Số lượng CPLH (CP)	12,225,393
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,995
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.59
EPS	1,348
P/E	6.2

DT thuần
9T 2025
1,612
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 544| 51.0%

LN thuần
9T 2025
4.43
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.9| 133%

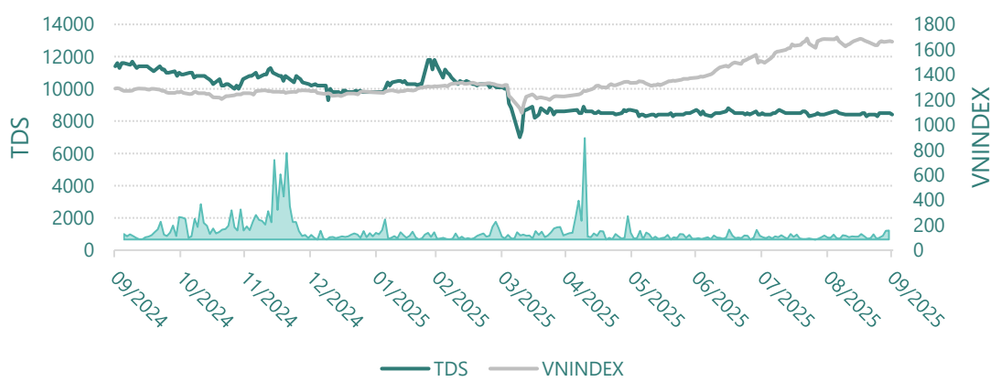
LN sau thuế
9T 2025
6.33
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.0| 166%

Cơ cấu sở hữu

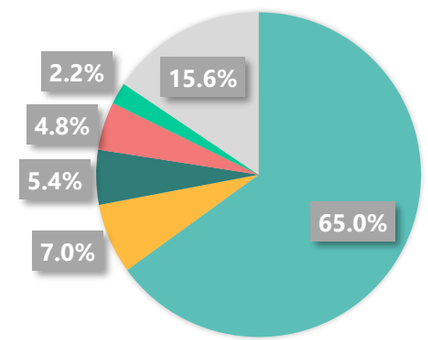


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



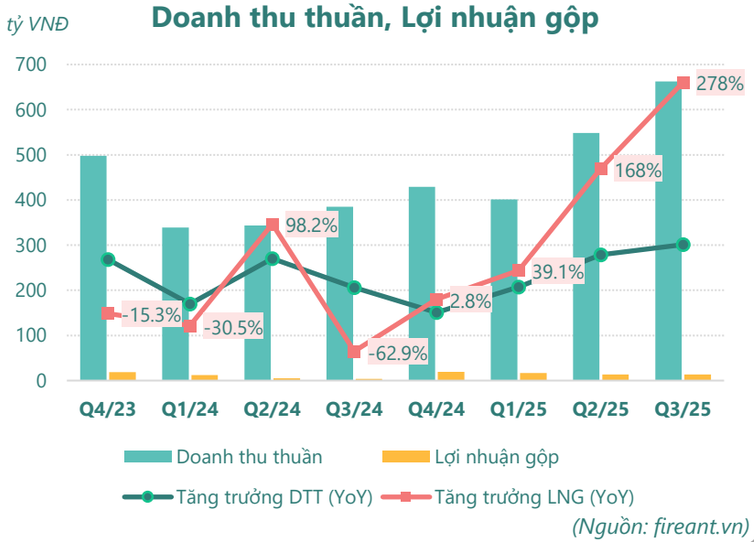
Cơ cấu cổ đông



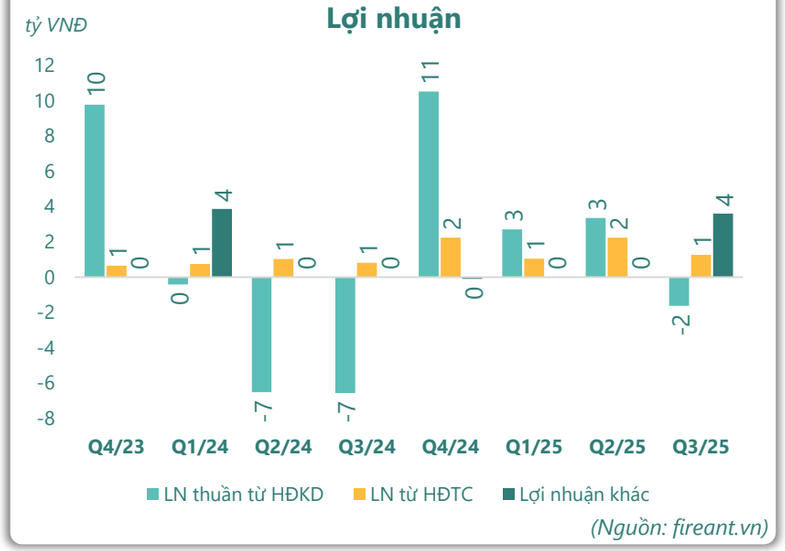
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Lê Bá Phương (Thành viên HĐQT)
Trịnh Chính Sinh
CTCP Gemadept
Nguyễn Thị Thủy
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

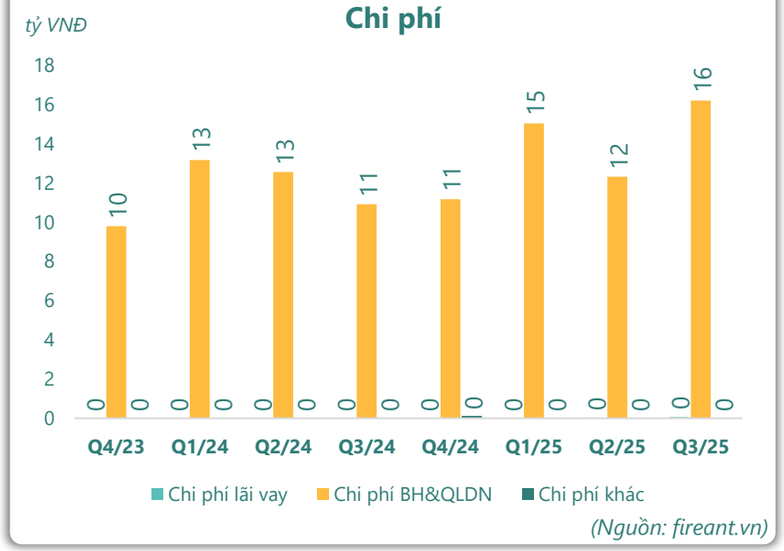
KẾT QUẢ KINH DOANH



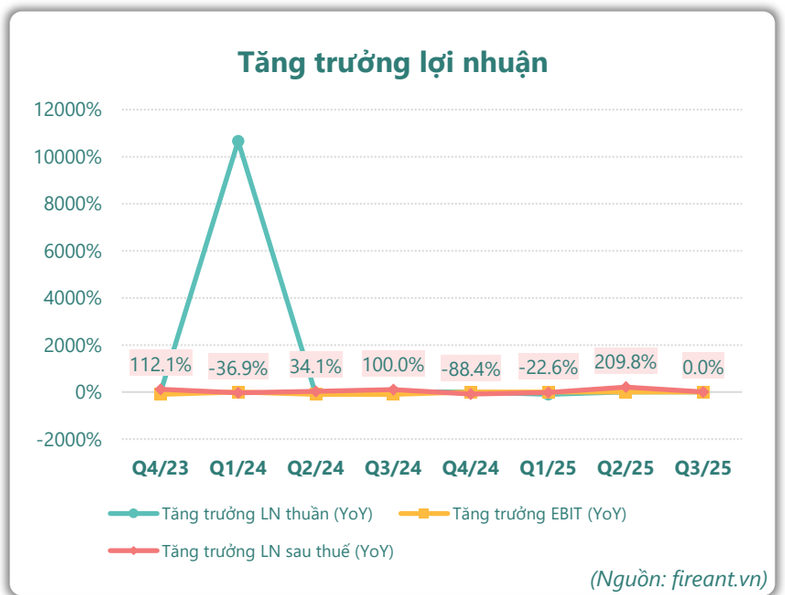
(Nguồn: fireant.vn)



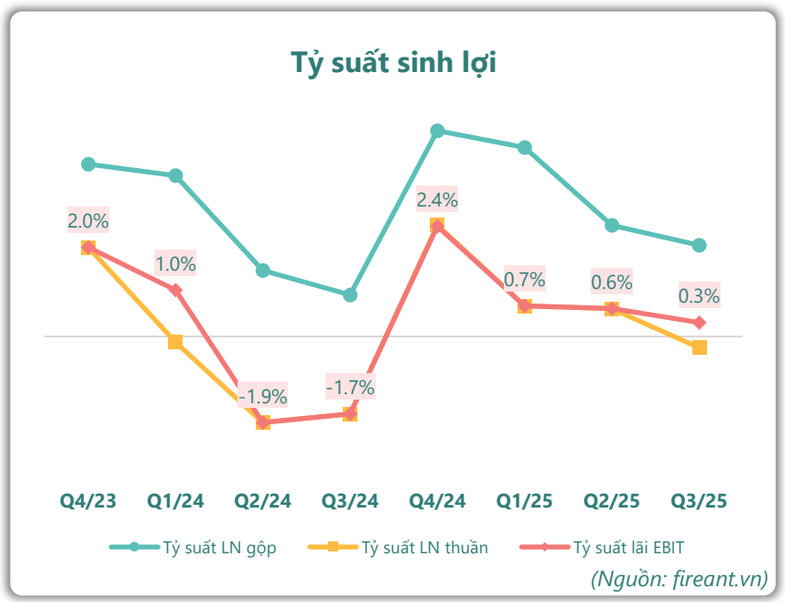
(Nguồn: fireant.vn)



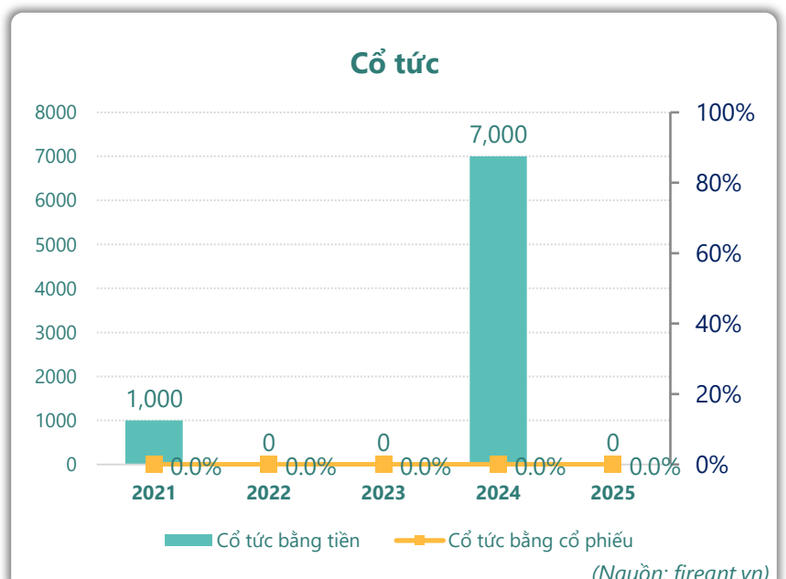
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



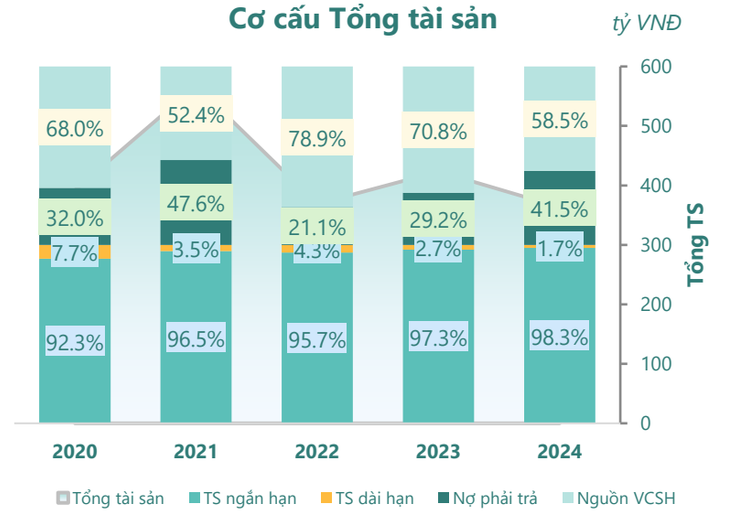
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

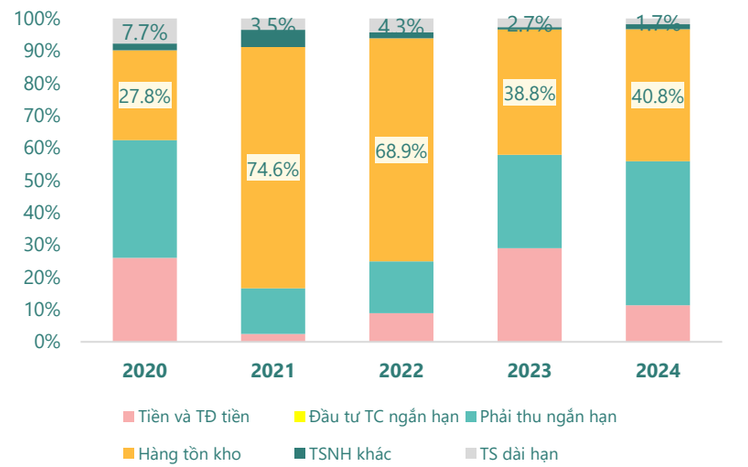
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



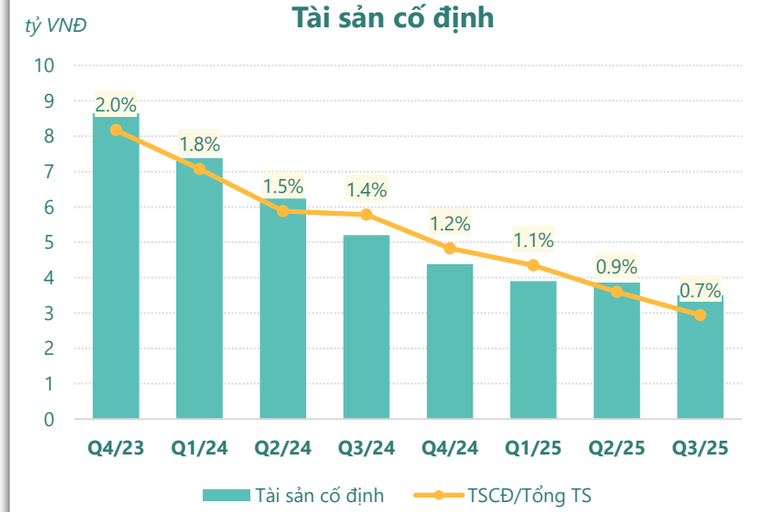
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



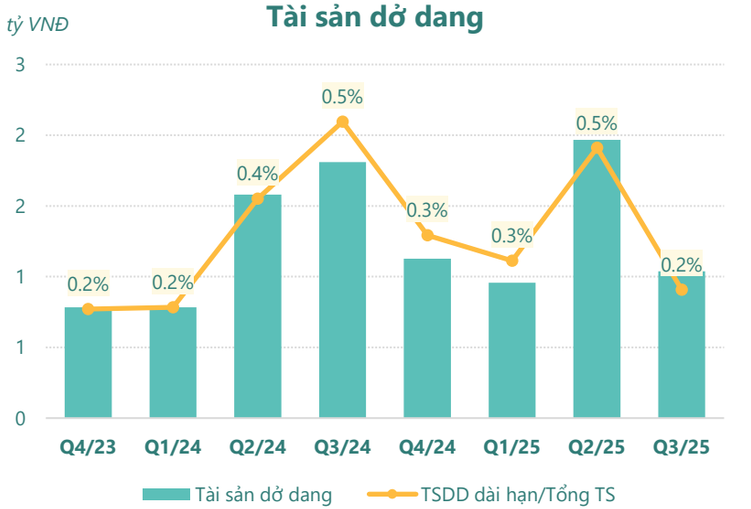
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



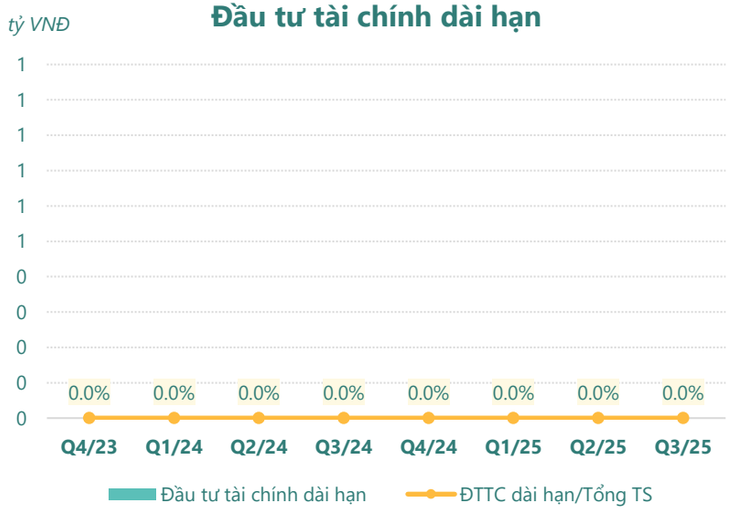
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



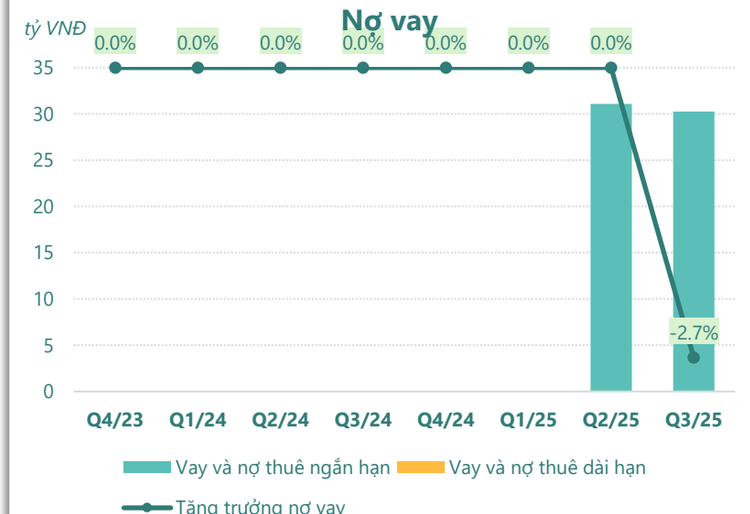
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

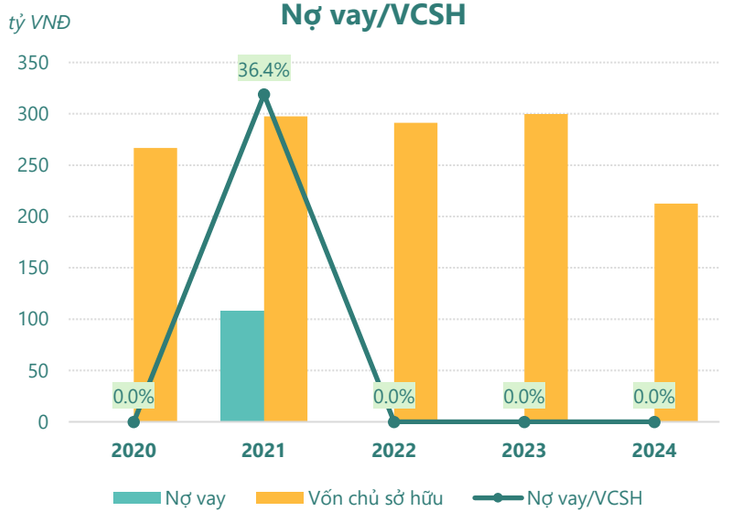
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

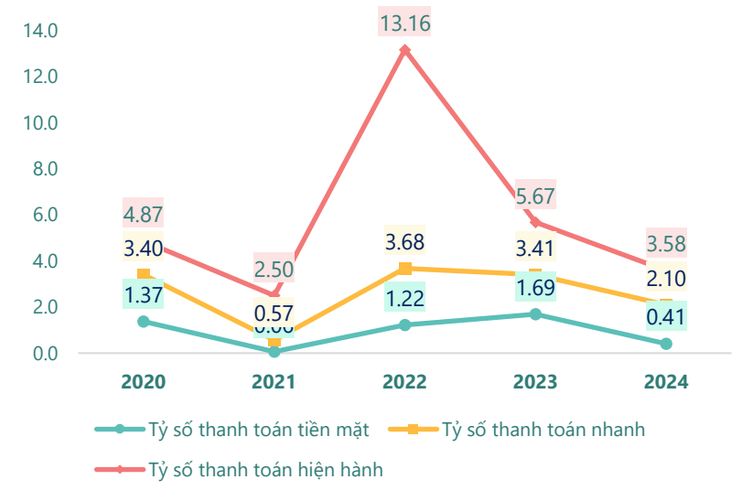
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



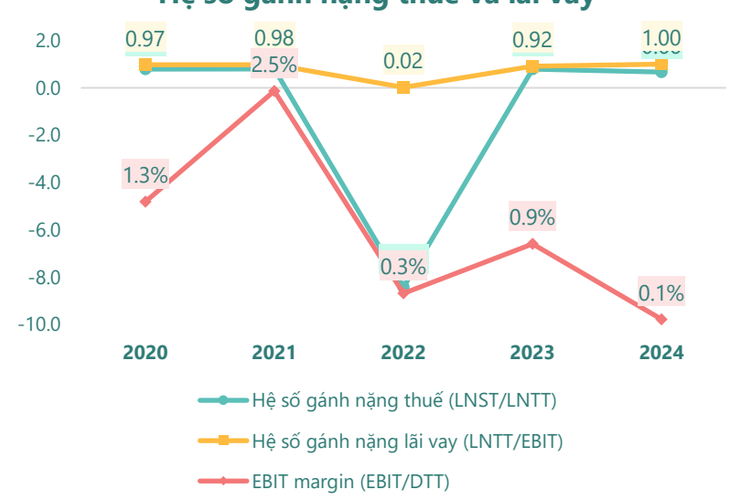
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



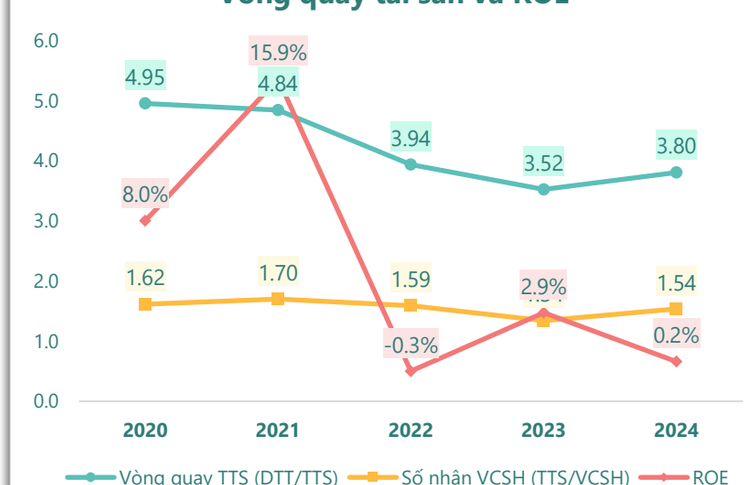
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



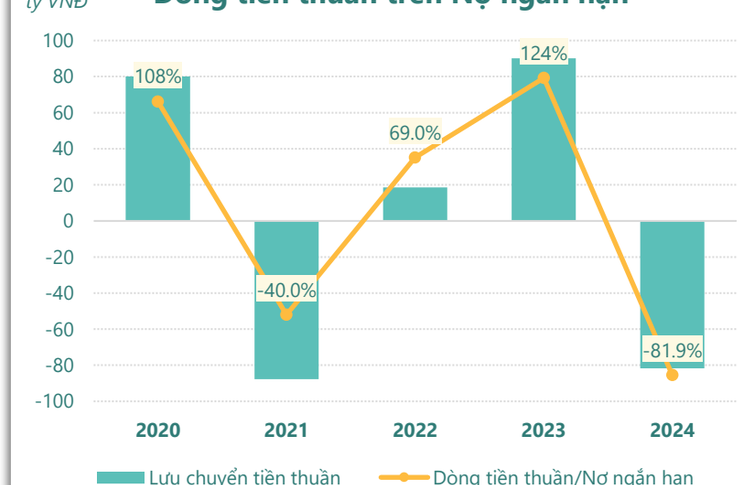
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**663**	**385**	**72.1%**	**1,612**	**1,068**	**51.0%**
Giá vốn hàng bán	649	382	70.0%	1,568	1,047	49.8%
Lợi nhuận gộp	13.3	3.53	277%	43.5	20.5	112%
Doanh thu HĐTC	1.33	0.83	59.9%	4.86	2.61	85.8%
Chi phí TC	0.07	0.01	556%	0.31	0.02	1758%
Chi phí lãi vay	0.06	0.00		0.09	0.00	72177%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.87	2.96	98.3%	12.8	8.87	44.1%
Chi phí QLDN	**10.3**	**7.96**	**29.9%**	**30.8**	**27.8**	**10.9%**
LN thuần từ HĐKD	-1.63	-6.57	75.3%	4.43	-13.5	133%
Lợi nhuận khác	**3.61**	**0.00**		**3.61**	**3.87**	**-6.9%**
LN trước thuế	1.98	-6.57	130%	8.04	-9.63	183%
Lợi nhuận sau thuế	**1.58**	**-6.57**	**124%**	**6.33**	**-9.63**	**166%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.58**	**-6.57**	**124%**	**6.33**	**-9.63**	**166%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.13	84.4	-26.5	13.0	-45.2	-3.88
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.24	1.05	0.77	0.13	-0.24	0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-85.1	-0.21	-0.01	31.1	-0.83
Tiền đầu kỳ	69.5	66.6	67.0	41.1	54.2	39.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.90**	**0.36**	**-25.9**	**13.2**	**-14.4**	**-4.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.00	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	66.6	67.0	41.1	54.2	39.8	35.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**477**	**363**	**31.2%**
Tài sản ngắn hạn	471	357	31.9%
Tiền và tương đương tiền	35.3	41.1	-14.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	205	162	26.4%
Hàng tồn kho	204	148	37.9%
Tài sản ngắn hạn khác	26.5	5.81	356%
Tài sản dài hạn	**5.76**	**6.31**	**-8.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.51	4.38	-20.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.04	1.13	-8.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.21**	**0.80**	**51.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	258	151	71.3%
Nợ ngắn hạn	**207**	**99.7**	**108%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.3	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	113	70.3	60.8%
Nợ dài hạn	51.0	51.0	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**219**	**213**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**219**	**213**	**2.8%**
Vốn điều lệ	122	122	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)